

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 31/5/2022.

V.v Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Quang Hồng

2/ Ông Nguyễn Việt Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B – thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Ông **Trần Tấn Bửu** – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Kim P**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 48/2 khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Đặng Thanh H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 48/2 khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Kim P trình bày:

Bà và ông Đặng Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1993, nhưng đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận B, thành phố Cần Thơ. Quá trình hôn nhân đến năm 2016 thì bà phát hiện ông H có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng. Bà đã cho ông H cơ hội sửa chữa, quay lại hàn gắn tình cảm nhưng ông H không sửa đổi. Nay thấy cuộc hôn nhân này không có hạnh phúc, không có cơ hội hàn gắn nên bà có đơn yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Ngọc Diễm Th, sinh năm 1997 và Đặng Phi L, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – ông Đặng Thanh H: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành lập thủ tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt phía bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đúng thủ tục. Tuy nhiên về thời hạn đưa vụ án ra xét xử là còn vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu: Qua trình bày của nguyên đơn cho thấy hôn nhân của bà P và ông H đã thực sự trầm trọng, do vậy, đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Bà P và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn có bản tự khai trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bị đơn- ông H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do không tiến hành tổng đạt trực tiếp được các thông báo triệu tập cho ông H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo trên tại địa chỉ cư trú của ông H và Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận B, thành phố Cần Thơ- nơi ông H đăng ký hộ khẩu thường trú. Nay căn cứ vào các thủ tục đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Qua trình bày của nguyên đơn cho thấy hôn nhân của vợ chồng bà có thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bà P phát hiện ông H có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng có bàn bạc hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà P. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P để ông bà có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Các con chung của ông bà là Đặng Ngọc Diễm Th, sinh năm 1997 và Đặng Phi L, sinh năm 2002, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Đối với quan điểm và nhận xét của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Kim P đối với ông Đặng Thanh H.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Kim P phải nộp 300.000 đồng. chuyển tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 005156 ngày 28/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B thành án phí

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận B;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q B.
- UBND p Long Hòa, Q B
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

ĐẶNG THỊ HUỆ

